DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC ĐẠT TIÊU CHUẨN PIC/S - GMP VÀ EU - GMP

Đợt 49

(Theo công văn số 5844/QLD-CL ngày 27/04/2017 của Cục Quản lý Dược)

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
1	AbbVie Inc.	1401 Sheridan road, North Chicago, IL 60064, USA	* Sản phẩm: Survanta® (beractant) Intratracheal Suspension 25 mg/ 1 ml; Tên tại Việt Nam: Hỗn dịch Survanta (phospholipids 25 mg/ml).	U.S. CGMP	D6GA-T34X	09/11/2016	08/11/2018	United States Food and Drug Administration	**1**	
2	Cenexi	52 rue Marcel et Jacques Gaucher Fontenay sous Bois, 94120, France	*Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa sulfonamides). *Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (chứa sulfonamides); thuốc đặt; viên nén (chứa sulfonamides).	EU-GMP	HPF/FR/02/2017	06/01/2016	04/08/2017	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	**1**	
3	Tarchomin Pharmaceutical Works ''Polfa'' S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zaklady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học (thuốc Insulin)	EU-GMP	GIF-IW-400/0196_02_03/04/340/16	01/12/2016	08/09/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	**1**	
4	Farmaprim LTD (Tên khác: Farmaprim S.R.L)	Str. Crinilor 5, Raionul Criuleni, Sat Porumbeni, MD 4829, Republic Moldova. Cách ghi khác: 5 Crinilor street, Village Porumbeni, Criuneli reg., MD-4829, Republic of Moldova	* Thuốc không vô trùng: thuốc bán rắn (mỡ, kem, gel) (chứa hormon); thuốc đạn (chứa hormon); thuốc trứng (chứa hormon).	EU-GMP	040/2016/RO	21/10/2016	01/07/2019	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania		**2**

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
5	Korea Pharma Co., Ltd	87 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotions; thuốc kem.	PIC/S-GMP	2017-D1-0125	13/01/2017	02/01/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		**2**
6	Korean Drug Co., Ltd	69-10, Wonjeok-ro, Sindun-myeon, Icheon-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; viên rã trong miệng, viên nhai; dung dịch thuốc uống; si rô; hỗn dịch.	PIC/S-GMP	2017-D1-0385	09/02/2017	15/12/2018	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		**2**
7	PT. OTTO Pharmaceutical Industries	Jl. Dr. Setiabudi Km 12,1 Kab. Bandung Barat, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam; thuốc tránh thai, thuốc chứa hormon sinh dục, thuốc kìm tế bào: Viên nén; viên bao (bao gồm cả kháng sinh không thuộc nhóm Beta-lactam).	PIC/S-GMP	4139/CPOB/A/IV/14; 4139/CPOB/A/III/14	02/04/2014	02/04/2019	National Agency For Drug and Food Control Indonesia (NADFC)		**2**
8	Biotest AG (Cơ sở sản xuất)	Biotest AG, Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany	* Sản phẩm: - Bột và dung môi pha tiêm Haemoctin SDH 250; - Dung dịch tiêm truyền Intratect; - Bột và dung môi pha tiêm Haemoctin SDH 500; - Dung dịch tiêm tĩnh mạch Pentaglobin; - Dung dịch tiêm Fovepta; - Dịch truyền Biseko (Protein huyết tương người 50g (Albumin 31g; Kháng thể người 10g)/1000ml). - Dịch truyền Albiomin 20% (Protein huyết tương người 200g (Albumin ≥ 96%)/1000ml).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2015_0126	08/12/2015	06/10/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức	**1**	
	Biotest Pharma GmbH (Cơ sở chứng nhận xuất xưởng)	Biotest Pharma GmbH, Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany		EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_0018	15/02/2017				
9	Laboratoires Grimberg SA	ZA des Boutries rue Vermont, 78704 Conflans Sainte Honorine, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột; viên nén.	EU GMP	HPF/FR/53/2015	17/03/2015	03/10/2017	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	**1**	
10	Panpharma	ZI du Clairay, Luitre, 35133, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa kháng sinh nhóm beta lactam).	EU-GMP	HPF/FR/266/2016	18/11/2016	30/09/2018	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM), France	**1**	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
11	TTY Biopharm Company Limited Lioudu Factory	No. 5, Gongjian W. Rd., Qidu District, Keelung, Taiwan, R.O.C	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: bột đông khô pha tiêm; thuốc tiêm; + Thuốc tiệt trùng cuối: thuốc tiêm. * Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	3182	05/08/2016	06/02/2019	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		**2**
12	Catalent Germany Eberbach GmbH (Cơ sở sản xuất)	Catalent Germany Eberbach GmbH, Gammelsbacher Str.2, 69412 Eberbach, Germany	* Sản phẩm: Viên nang mềm Navelbine (Vinorelbine 20mg, 30mg)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2015_0085	21/07/2015		Cơ quan thẩm quyền Đức	**1**	
	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, 64320 IDRON, France		EU -GMP	HPF/FR/238/2014	30/10/2014		National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France		
13	SC ZENTIVA SA	Bulevardul theodor pallady 50, Sector 3, Bucharest, RO - 032266, Romania	* Sản phẩm: Omeprazole 10mg, 20mg Gastro-Resistant Hard Capsules. Tên tại Việt Nam: Mepraz 10mg, 20mg Gastro-Resistant Hard Capsules (Omeprazole 10mg, 20mg)	EU GMP	PP10138408	03/07/2015	11/03/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	**1**	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
14	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH Industriepark Hochst-Bruningstraβe 50, H500, H590, H600, H785, H790 65926 Frankfurt am Main, Germany (* Các cách ghi khác: Industriepark Hoechst 65926 hoặc Industriepark Höchst, D-65926 hoặc Industriepark Hoechst, D-65926 hoặc Industriepark Höchst, Bruningstrasse 50, D-65926 hoặc Bruningstrasse 50, D-65926 hoặc Industriepark Höchst, Brüningstraβe 50, D-65926 Frankfurt am Main, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (chất độc tế bào/chất kìm tế bào); thuốc cấy ghép và dạng rắn (hormon và chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học; + Thuốc nguồn gốc từ người hoặc động vật: Enoxaparin, Heparin Natrium. * Sản phẩm: TOUJEO, Solution for injection in pre-filled pen (Insulin glargine; 300 units/ml; 1,3,5 or 10 pre-filled pens) Tên tại Việt Nam: TOUJEO SOLOSTAR.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0090	09/12/2016	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
15	UCB Farchim SA	Z.I. de Planchy, Chemin de Croix Blanche 10, 1630 Bulle, Switzerland	Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế rắn: viên nén, viên nén bao phim. Cụ thể: + Cetirizine 10 mg + Cetirizine 5 mg (Japenese market exclusively) + Levocetirizine 5 mg + Levetiracetam 250mg/500mg/750mg/1000mg + Cetirizine 5mg/Pseudoephedrine 120mg	PIC/S-GMP	16-0418	09/03/2016	04/02/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
16	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm: Valpharma International SPA	Via G. Morgagni, 2 - 47864 Pennabilli (RN), Italia	Sản phẩm: + viên nén kháng dịch vị dạ dày Esomeprazole 20mg, 40mg Gastro-Resistant Tablets Tên tại Việt Nam: Goldesome 20mg, 40mg Gastro-Resistant Tablets (Esomeprazole magnesium dihydrate 21,69mg; 43,38mg).	EU-GMP	IT/318-5/H/2016	27/12/2016	/11/2017	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lamp San Prospero SPA	Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italia	+ viên nén giải phóng có kiểm soát GOLDDICRON (30mg Gliclazide).	EU-GMP	IT/144-1/H/2015	26/06/2015	19/	Italian Medicines Agency (AIFA)		
17	Dr.Reddy's Laboratories Ltd (Formulation Unit - 7)	Plot No: P1 to P9, Phase III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh, INDIA	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: + Thuốc đông khô: Brecer, lyophilizate for solution for injection 3,5 mg (Bortezomib); Cytogem, lyophilizate for solution for infusion 200mg; 1000mg (Gemcitabine). + Dung dịch thể tích nhỏ: Mitotax, solution for injection 6mg/ml 5ml (30mg); 16,7ml (100mg); 41,7ml (250mg) (Paclitaxel). * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng: Redivec, capsules, hard 100mg; 400mg (Imatinib); + viên nén; viên nén bao phim: Apcibin, film coated tablets 150mg, 500mg (Capecitabine).	PIC/s - GMP	093/2015/SAUMP/GMP	19/01/2016	20/11/2018	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		**2**

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
18	Eurolife Healthcare Pvt. Ltd.	Khasra No. 520, Bhagwanpur, Roorkee, Haridwar, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (thể tích 100 ml): Anapiron, solution for infusion, 10mg/100ml (Pracetamol); Gatilin, solution for infusion, 200mg/100ml; 400mg/100ml (Gatifloxacin); Levasept, solution for infusion, 500mg/100ml (Levofloxacin); Levofloxacin, solution for infusion, 500mg/100ml (Levofloxacin); Mannitol, solution for infusion, 15g/100ml (Mannitol); Metressa, solution for infusion, 0,5%, 100ml (Metronidazole); Ornistil, solution for infusion, 500mg/100ml (Ornidazole); Ofloxacin, solution for infusion, 200mg/100ml (Ofloxacin); Rapimax, solution for infusion, 400mg/100ml (Moxifloxacin Hydrochloride); Fluconazole, solution for infusion, 200mg/100ml (Fluconazole); Ciprofloxacin, solution for infusion, 200mg/100ml (Ciprofloxacin);	PIC/S GMP	100/2014/SAUMP/GMP	25/09/2014	28/08/2017	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		**2**
19	Piramal Critical Care, Inc.	3950 Scheldon Circle, Bethlehem, PA 18017, USA	Thuốc không vô trùng: sản phẩm Terrell™, Isoflurane, USP, Liquid for Inhalation 100 mL	U.S. cGMP	4KWR-AXXV	27/10/2016	26/10/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	**1**	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
20	Sance Laboratories Pvt. Ltd	VI/51B, n/c No 2, Kozhuvanal, Pala, Kottayam - 686 573, Kerala, India	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc cấy ghép và dạng rắn (thuốc bột pha tiêm): + Alemctum, powder for solution for injection 1g; 1g in bulk (Cefoperazone/ sulbactam); + Alcizon, powder for solution for injection 1g vial No 1; 2 in packs; No 10 (1x10) in pack in a box (Ceftriaxone); + Alcispec, powder for solution for injection 1g; 1g in bulk (Cefoperazone/ sulbactam); + Cepim, powder for solution for injection 1g; 1g vial No 1; No 5 (Cefepim). * Thuốc không vô trùng: + viên nang cứng: Sanceph-500 cap, capsules 500mg (Cephalexin). + thuốc bột: SANCEPH-DS 125, powder for preparation oral suspension 125mg/5ml. + Viên nén: Sanfur-500, tablets 500mg (Cefuroxime).	PIC/S GMP	061/2016/SAUMP/GMP	05/10/2016	22/07/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		**2**
21	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited	Dansom Lane, Hull, East Yorkshire, HU8 7DS, United Kingdom. Cách viết khác: Dansom Lane, Hull, HU8 7DS, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nén. * Thuốc sinh học: Nystatin (Thuốc kem Timodine);	EU-GMP	UK MIA 63 Insp GMP 63/17092-0035	05/08/2016	11/08/2017	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	**1**	
22	CJ HealthCare Corporation	20, Daesosandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng rắn chứa Cephalosporin: Viên nén, thuốc bột pha siro.	PIC/S-GMP	2017-G1-0619	10/03/2017	11/10/2019	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		**2**
23	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-Cho, Matsusaka-Shi, Mie, 515-2302 Japan	* Dung dịch tiêm NIKP-Karosgen injection 20ml	PIC/s-GMP	3129	23/10/2015	19/02/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	**1**	
24	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant 1	205-1, Shimoumezawa Namerikawa-shi, Toyama, Japan	Sản phẩm: Thuốc viên nén bao phim NIKP-Rebamipide film coated tablet 100mg.	PIC/s-GMP	3125	23/10/2015	18/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	**1**	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
25	Mipharm S.P.A	Via Bernardo Quaranta, 12 -20141 Milano (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosteroid và các hormon khác, không bao gồm hormon sinh dục); thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon corticosteroid); thuốc đạn; viên nén (chứa hormon corticosteroid và hormon sinh dục).	EU-GMP	IT/21-1/H/2016	29/01/2016	07/11/2017	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
26	GSK Biologicals (GlaxoSmithKline Biologicals SA)	Rue de l'Institut 89, Rixensart, 1330, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	BE/GMP/2016/019	20/06/2016	24/03/2019	Belgian Federal Agency for Medicines and Heallth Products (AFMPS)	1	
27	Cơ sở sản xuất: Lilly France	2 rue du Colonel Lilly, 67640 Fegersheim, France	* Sản phẩm: thuốc tiêm Humalog KwikPen (insulin lispro injection (rDNA origin) 100 units/ml, 3ml)	US-GMP	GH96-WW8C	02/11/2016	01/11/2018	United States Food and Drug Administration	1	
	Cơ sở đóng gói: Eli Lilly and Company	Indianapolis IN 46285, USA								
28	Chiesi Farmaceutici S.P.A.	Via San Leonardo 96 - 43122 Parma (PR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroid, thuốc sinh học). * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosterid); thuốc cốm và thuốc bột (chứa corticosteroid); thuốc phun mù (chứa corticosteroid); viên nén. * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ động vật.	EU-GMP	IT/289-4/H/2016	25/11/2016	21/01/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
		Via Palermo, 26/A - 43122 - Parma (PR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (thuốc sinh học). * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosteroid). * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ động vật.							
29	Guerbet	16-24 rue Jean Chaptal, Aulnay Sous Bois, 93600, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	HPF/FR/18/2017	26/01/2017	18/03/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
30	Synthon Hispania, SL	Pol. Ind. Les Salines. C/ Castello, 1, 08830 Sant Boi de Llobregat (Barcelona); Spain	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên bao (bao gồm cả chất gây nghiện, hướng thần); viên nang cứng; pellet, thuốc bột gói.	EU-GMP	NCF/1646/001/CAT	27/12/2016	17/11/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	**1**	
31	MSD International GmbH (Singapore Branch)	21 Tuas South Avenue 6, Singapore 637766, Singapore	Thuốc viên nén.	PIC/S-GMP	MLMP1100013	20/11/2016	12/12/2017	Health Sciences Authority (HSA), Singapore		**2**
32	Hankook Korus Pharm, Co., Ltd	78 Daepungsandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbulk-do, Republic of Korea	Thuốc bột pha tiêm chứa cephalosporin.	PIC/S-GMP	2017-G1-0341	09/02/2017	08/01/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		**2**
33	Dongkook Pharmaceutical Co., Ltd.	1103 Jingwang-ro, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Thuốc tiêm.	PIC/S-GMP	2016-G1-2269	13/10/2016	06/10/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		**2**
34	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	No. 6-20, Tuku., Tuku Village, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm dung dịch; bột đông khô pha tiêm; thuốc tiêm dạng hỗn dịch. + Thuốc tiệt trùng cuối: Thuốc tiêm dung dịch. * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc; Viên nén, viên bao phim, viên bao đường, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm. * Thuốc bột khô pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosrin.	PIC/S GMP	3517	02/03/2017	11/03/2019	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		**2**
35	Aesica Pharmaceuticals S.R.L	Via Praglia, 15-10044 Pianezza (TO), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	IT/11-4/H/2017	03/02/2017	17/03/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	**1**	
36	Binex Co., Ltd	368-3 Dadae-ro, Saha-gu Busan, Republic of Korea	* Thuốc dạng rắn: viên nén; viên nang; thuốc bột; thuốc cốm. * Thuốc nhỏ mắt: dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt.	PIC/S-GMP	2017-C1-0076	02/03/2017	03/02/2019	Busan Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		**2**

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
37	Theragen Etex Co., Ltd	58 Sandan-ro 68beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc dạng rắn: viên nén; viên nang. * Siro uống.	PIC/S-GMP	2017-D1-0781	13/03/2017	01/03/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		**2**
38	West Pharma-Producoes de Especialidades Farmaceuticas , S.A	Rua Joao de Deus, No. 11, Amadora, 2700-486, Portugal	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả thuốc có hoạt tính hormon: Letrozol); thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	F030/S1/MH/001/2017	11/01/2017	21/09/2019	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	**1**	
39	Chinoin Pharmaceutical and Chemical Works Private Co., Ltd. (Chinoin Private Co. Ltd)	Csanyikvölgy, Miskolc, 3510, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. + Thuốc miễn dịch	EU-GMP	OGYÉI/63752-2/2016	22/12/2016	06/07/2019	National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary	**1**	
40	A. Nattermann & Cie. GmbH	Nattermannallee 1,D-50829 Cologne, Germany	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm và dạng pastiles; dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên bao phim, viên bao đường, viên sủi bọt * Thuốc dược liệu; thuốc vi lượng đồng căn	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2015_0011	13/05/2015	30/10/2017	Cơ quan thẩm quyền Đức	**1**	
41	Remedina S.A.	23 Gounari & Areos Str., 13451 Kamatero, Greece	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm Azatyl (Ceftriaxone 1g)	EU-GMP	3436	19/01/2017	19/04/2017	National Organization for Medicines (EOF), Greece	**1**	
42	SW Pharma GmbH	Robert-Koch-Straße 1, 66578 Schiffweiler, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; thuốc cốm.	EU -GMP	DE_SL_01_GMP_2016_0001	02/02/2016	07/08/2017	Cơ quan thẩm quyền Đức	**1**	
43	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	Sản phẩm: Dạng bào chế lỏng để hít Forane (Isoflurane, USP) Liquid for Inhalation, 250ml Tên tại Việt Nam: Aerrane	US-GMP	T9HC-V7TC	06/01/2017	05/01/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	**1**	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
44	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Dạng bào chế lỏng để hít Sevoflurane, USP Inhalation Anesthetic 250mL	US-GMP	03-0056-2016-08-VN	25/03/2016	25/03/2018	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	**1**	
45	Panpharma	ZI du Clairay, Luitre, 35133, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa kháng sinh nhóm beta lactam).	EU-GMP	HPF/FR/266/2016	18/11/2016	30/09/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	**1**	
46	YuYu Pharma, Inc	94 Bio Valley 1-ro, Jecheon-si Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Viên nang cứng; viên nén. * Thuốc mỡ, thuốc kem, Gel.	PICS -GMP	2017-G1-0108	16/01/2017	12/05/2019	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety , Korea		**2**
47	Cơ sở sản xuất: Pantheon Inc. - Toronto Region Operations	2100, Syntex Court, Mississauga, Ontario, L5N 7K9, Canada	Sản phẩm: viên bao phim Tracleer (Bosentan 125 mg)	Canada-GMP	65381	26/01/2017	13/10/2017	Cơ quan thẩm quyền Canada	**1**	
	Cơ sở xuất xưởng: Actelion Pharmaceutical Ltd	Gewerbestrasse 12/14/16, 4123 Allschwil, Switzerland		EU-GMP	15-1385	13/07/2015		Swiss Agency for Therapeutic Products		
48	XL Laboratories Pvt. Ltd	E -1223, Phase-1, Extn. (Ghatal), RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Dist. Alwar (Raj.), India	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng: Thuốc Abydium, - Thuốc si rô: thuốc Alesof, - Thuốc viên nén: Melcom - Thuốc bột pha dung dịch uống: Milistan Hot Tea Anticough, Milistan Hot Tea With Lemon	PIC/S-GMP	072/2016/SAUMP/GMP	04/11/2016	29/09/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		**2**
49	Ferring GmbH (cơ sở sản xuất)	Wittland 11, 24109 Kiel, Germany	* Sản phẩm: Dung dịch đậm đặc để truyền tĩnh mạch Tractocile (Atosiban acetat 7,5mg/ml)	EU-GMP	DE_SH_01_2014_0017	10-10-2014	21/05/2017	Cơ quan thẩm quyền Đức	**1**	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		EU-GMP	14-2418			Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
50	Sandoz Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S	Sandoz Ilac Sanayi ve Ticaret A.S. İnönü Mahallesi Gebze Plastikciler Organize Sanayi Bölgesi Atatürk, Bulvari 9. Cadde No.2, 41400 Gebze-Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim, thuốc cốm	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0024	07/07/2016	29/02/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		**2**
51	Chemical Works of Gedeon Richter Plc. (Gedeon Richter Plc.)	Gyömrői út 19-21., Budapest, 1103, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch và hỗn dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc có chứa chất kìm tế bào). + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa kháng sinh); viên nén (bao gồm cả viên nén chứa hormon), viên nén bao và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc thuốc chứa hormon). Vòng âm đạo với hoạt tính hormon. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật;	EU-GMP	OGYÉI/16982-8/2016	07/09/2016	22/04/2019	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	**1**	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
52	Alfa Wassermann S.P.A.	Via Enrico Fermi, 1 - 65020 Alanno (PE), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa hormon và các chất có hoạt tính hormon, không bao gồm hormon sinh dục); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và các chất có hoạt tính hormon, không bao gồm hormon sinh dục); polveri. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và các chất có hoạt tính hormon, không bao gồm hormon sinh dục). * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc bán rắn; viên nén. * Thuốc sinh học: Chế phẩm máu (dung dịch thể tích nhỏ); chế phẩm từ mô, tế bào động vật (viên nang mềm; dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng; dung dịch thể tích nhỏ tiệt trùng cuối).	EU-GMP	IT/83-1/H/2016	23/03/2016	03/07/2018	Italian Medicines Agency (AIFA)	**1**	
53	Sandoz GmbH (hoặc Sandoz GmbH-TechOps hoặc Sandoz GmbH-Organisationseinheit/ Business Unit TechOps)	Biochemiestrasse (hoặc Biochemiestraße) 10, 6250 Kundl (hoặc A-6250 Kundl hoặc AT-6250 Kundl hoặc Kundl, 6250), Austria	* Thuốc vô trùng (chứa nhóm Penicillin và Cephalosporin): + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc không vô trùng (chứa nhóm Penicillin và Cephalosporin):: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; viên nhai; thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	INS-481921-0090-001	13/10/2016	06/07/2018	Austrian Medicines and Medical Devices Agency (AGES)	**1**	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
54	LABORATORIO REIG JOFRE, SA	Gran Capità, 10, 08970 Sant Joan Despí (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon): Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); dạng bào chế bán rắn (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); thuốc đặt; viên nén (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon). * Thuốc sinh học (không bao gồm hoạt động với vi sinh vật sống hoặc nuôi cấy tế bào): Chế phẩm miễn dịch; chế phẩm công nghệ sinh học; chế phẩm tách từ người hoặc động vật. * Thuốc dược liệu.	EU-GMP	NCF/1640/001/CAT	25/11/2016	05/02/2018	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	
55	Thymoorgan Pharmazie GmbH (Cơ sở sản xuất)	Schiffgraben 23, 38690 Goslar, Germany (* *Cách ghi cũ: Schiffgraben 23, 38690 Vienenburg, Lower Saxony, Germany*)	* Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Vammybivid's (Vancomycin 1g). Thuốc bột pha tiêm Vammybivid's (Vancomycin 500mg).	EU-GMP	DE_NI_01_GMP_2015_0003	22/01/2015	19/11/2017	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Sanavita Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Lohstrasse 2, 59368 Werne, Germany			DE_NW_01_GMP_2015_0014	20/05/2015				
56	Biolyse Pharma Corporation	59 Welland Vale Road, St. Catharines, Ontario, Canada L2S 3Y2	* Sản phẩm: Thuốc tiêm dung dịch Paclitaxel 6 mg/mL.	Canada-GMP	64197	29/09/2016	29/09/2017	Health Products Compliance Directorate, Canada	1	
57	Cilag AG (Cơ sở sản xuất)	Hochstrasse 201, 8200, Schaffhausen, Switzerland	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Remicade (Infliximab 100 mg)	EU GMP	16-1557	02/08/2016	018	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Janssen Biological B.V. (Cơ sở xuất xưởng)	Einesteinweg 101, Leiden, 2333CB, Netherlands			NL/H16/1005175	18/04/2016	27/12/2	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
58	Vifor SA	Route de Moncor 10, 1752 Villars-sur-Glane, Switzerland	* Thuốc bán rắn: Kem; mỡ; gel. * Dạng bào chế lỏng: Sirô; dung dịch thuốc; hỗn dịch thuốc. * Dạng bào chế rắn: Viên nang; viên nén; viên nhai; viên nén bao phim; viên bao đường; viên ngậm; thuốc bột; thuốc cốm (bao gồm cả sản phẩm từ vi khuẩn).	EU-GMP	16-2034	02/11/2016	03/06/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	**1**	
59	Medreich Limited	4/3 Avalahalli Anjanapura Post (Unit III site), Bangalore 560062, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; thuốc bột; thuốc cốm.	PIC/S GMP	MI-2015-CE-00583-1	02/08/2016	11/05/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		**2**
60	InfoRLife SA	Casai 7748 Campascio, Switzerland	Thuốc vô trùng dạng dung dịch.	PIC/S GMP	17-0173	30/01/2017	13/05/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	**1**	
61	Tolmar INC	701 Centre Avenue, Fort Collins, Colorado, 80526, United States	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thuốc thể tích nhỏ, thuốc bán rắn	EU-GMP	NL/H 16/1009478 a	23/01/2017	14/09/2019	Healthcare Inspectorate, Netherlands	**1**	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
62	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. (Tên tiếng Ba Lan: Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spolka Akcyjna)	22/24, Karolkowa Str., 01-207 Warszawa, Poland (tiếng Anh: Karolkow 22/24, 01-207, Warsaw, Poland)	* Thuốc sản xuất vô trùng: + Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có độc tính mạnh, gây nghiện, hướng tâm thần, chất nhạy cảm và hoạt chất teratogenic): hỗn dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc tiêm * Thuốc tiệt trùng cuối: + Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có độc tính mạnh, gây nghiện, hướng tâm thần, chất nhạy cảm và hoạt chất teratogenic): hỗn dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc tiêm * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật	EU-GMP	GIF-IW-400/0102_02_01/04/354/16	07/12/2016	19/10/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
63	S.M. Farmaceutici S.R.L.	Zona Industriale - 85050 TITO (PZ), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng chứa corticosteroid.	EU GMP	IT/134-1/H/2015	18/06/2015	13/11/2017	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
64	Auronext Pharma Private Limited	A-1128, RIICO Industrial Area Phase III, Bhiwadi District - Alwar, Rajasthan, 301 019, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng chứa kháng sinh β-lactam: Thuốc đông khô; Thuốc dạng rắn và cấy ghép.	EU-GMP	FT020/MH/001/2016	05/05/2016	19/02/2019	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2
65	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	JL.Wanaherang No. 35 Tlajung Udik, Gunung Putri Bogor 16962, Indonesia	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén; sirô, thuốc uống dạng lỏng; viên nang mềm.	PIC/S GMP	MI-2014-CE-09009-1	13/02/2017	17/06/2018	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2
66	PT Novell Pharmaceutical Laboratories	JL.Wanaherang No. 35 Tlajung, 16962 Gunung Putri, Bogor, Indonesia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (ống ampoule).	EU GMP	DE_BE_01_GMP_2016_0063	30/11/2016	22/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt Fur Gesundheit und Soziales)		2
67	Beaufour Ipsen Industrie	Rue Ethé Virton, Dreux, 28100, France	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; bột pha hỗn dịch uống; bột pha dung dịch uống; viên nén; viên nén bao phim. - Sản phẩm: Tanakan (Ginkgo biloba extract 40mg)	EU-GMP	HPF/FR/31/2017	07/02/2017	14/02/2018	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
68	Pierre Fabre Medicament Production - Gien	Site Progipharm, rue du Lycée, GIEN, 45500, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc dạng bán rắn, viên nén, thuốc cốm. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch.	EU-GMP	HPF/FR/167/2016	14/09/2016	30/11/2017	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	**1**	
69	Catalent France Beinheim SA	74 rue Principale, Beinheim, 67930, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm (chứa chất có hoạt tính hormon).	EU GMP	HPF/FR/192/2016	18/08/2016	31/07/2017	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	**1**	
70	Yungjin Pharm. Co., Ltd	66 Muha-ro, Namyang-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nang; siro khô. * Thuốc uống dạng lỏng: siro; hỗn dịch uống; nước súc miệng. * Thuốc dạng lỏng dùng ngoài; lotion. * Thuốc chứa cephalosporin: viên nén; viên nang; thuốc bột; siro; thuốc bột pha tiêm.	PIC/S GMP	2017-D1-0066	09/01/2017	19-10-2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		**2**
71	Medochemie Ltd. (Ampoule Injectable Facility)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	MED07/2016/001	14/09/2016	29-07-2019	Pharmaceutical Services, Ministry of Health, Republic of Cyprus	**1**	
72	Mylan Laboratories Limited	F-4, F-12 M.I.D.C, Malegoan, Sinnar, In-422113, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén.	EU GMP	UK GMP 20807 Insp GMP 20807/22382-0008	24/01/2017	05/12/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		**2**
73	Baxter Healthcare Corporation	Route 3, km 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784, USA	Sản phẩm Suprane (Desflurane USP, Liquid for Inhalation)	US cGMP	03-0105-2016-09-VN	31/3/2016	31/3/2018	United State Food and Drug Administration	**1**	
74	MILAN LABORATORIES PRIVATE LIMITED	Plot Nos. 35/36/63/64/65/67/87 Jawahar Co-Op Industrial Estate Ltd, Kamothe, Panvel (Navi Mumbai), Mumbai, IN 410 209, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, thuốc bột	EU-GMP	UK GMP 33423 Insp GMP 33423/498770-0007	10/10/2016	20/06/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		**2**

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
75	Merck Serono S.P.A	Via Delle Magnolie 15 (loc. Frazione Zona Industriale) - 70026 Modugno (BA), Italy	* Thuốc vô trùng : - Thuốc vô trùng không tiệt trùng cuối: + Bột đông khô chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon không phải corticosteorid; + Dung dịch thể tích nhỏ chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon và cytokines - Thuốc vô trùng sản xuất có tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: - Sản phẩm từ máu: sản phẩm cuối chứa albumin người được bổ sung làm tá dược cho sản phẩm từ kỹ thuật sinh học ; - Sản phẩm công nghệ sinh học: Protein/DNA tái tổ hợp	EU-GMP	IT/291-35/H/2016	28/11/2016	04/03/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
76	Lamp San Prospero SPA	Via Della Pace, 25/A - 41030 San Prospero (MO) Italy	Thuốc vô trùng: thuốc bột, thuốc cốm, thuốc đặt, viên nén	EU-GMP	IT/168-1/H/2016	15/07/2016	05/02/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
77	Valpharma international S.P.A	Via G. Morgagni, 2-47864 Pennabilli (RN), Italy	* Thuốc vô trùng : viên nang cứng, thuốc cốm, pellet, viên nén chứa hormon sinh dục hoặc chất có hoạt tính hormon sinh dục ;	EU-GMP	IT/318-1/H/2016	27/12/2016	20/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
78	Sandoz Grup Saglik Urunleri Ilaclari San. ve Tic. A. S. (Cơ sở sản xuất)	Gebze Organized Industrial Region Ihsan Dede Cadde No. 900. Sokak TR-41480 Gebze-Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: viên nén bao phim Simvastatin 10mg	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0011	14/03/2016	16/04/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
	Lek S.A. (Cơ sở đóng gói)	16 Podlipie Street, 95-010 Strykow, Poland		EU GMP	GIF-IW-400/0095_04_01/04/50/15	14/07/2015		Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland		
79	Eli Lilly & Company	Indianapolis, Indiana, 46285-46221, US	*Thuốc sản xuất vô trùng: Bột đông khô (thuốc độc tế bào), dung dịch thể tích nhỏ. *Thuốc tiệt trùng cuối: Thuốc bột (tiệt trùng bằng chiếu tia gamma) * Thuốc công nghệ sinh học.	EU GMP	HPF/PT/12/2016	22/12/2016	16/09/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
80	Sanofi Winthrop Industrie-Compiegne	56 route de Choisy au Bac, COMPIEGNE, 60205, France	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; + Viên nén (bao gồm cả chất có hoạt tính hormon corticosteroid, kháng sinh β-lactam); + Viên nén bao phim (bao gồm cả kháng sinh β - lactam); + Viên nhai; + Viên sủi chứa chất có hoạt tính hormon corticosteroid; + Bột pha dung dịch uống; + Bột pha hỗn dịch uống chứa kháng sinh β-lactam.	EU-GMP	HPF/FR/269/2016	18/11/2016	07/06/2017	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	**1**	
81	Janssen Korea Ltd.	45 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, nang cứng, dạng bột dùng để uống. * Siro * Dung dịch dùng ngoài	PIC/S	2017-D1-0100	13-01-2017	13-01-2018	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety of Korea		**2**
82	Atra Pharmaceuticals Limited	Bulding II, Plot No.H-19 MIDC Waluj Aurangabad (MS) 431133 India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén	PIC/S	038/17	06/02/2017	21-7-2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		**2**
83	GlaxoSmithKline Consumer Healthcare Australia Pty Ltd	82 Hughes Avenue Ermington NSW 2115, Australia	* Thuốc không vô trùng không chứa penicillins cephalosporins, chất chống ung thư: Viên nén; viên nén sủi bọt; thuốc dạng lỏng; thuốc đặt; thuốc kem	PIC/S GMP	MI-2016-LI-07643-1	14-11-2016	05/06/2017	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	**1**	
84	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp	797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Viên bao phim; viên nén; viên nang; bột pha siro; thuốc bột. * Thuốc tiêm truyền. * Siro; hỗn dịch; thuốc uống dạng lỏng và dung dịch uống. * Thuốc chứa penicillin: Viên bao phim; viên nén; viên nang; bột pha siro; thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chứa cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chống ung thư, độc tế bào: Dung dịch tiêm, thuốc tiêm đông khô.	PIC/S GMP	2017-G1-0415	20-02-2017	11/01/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		**2**

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
85	Immacule Lifesciences Private Limited	Village Thanthewal, Ropar Road, Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, IN 174101,India	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ	EU GMP	UK GMP 47115 Insp GMP 47115/1573 0061-0001	02/02/2017	17/10/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		**2**
86	Ferring GmbH (Cơ sở sản xuất)	Ferring GmbH Wittland 11, 24109 Kiel, Germany	* Sản phẩm: + Bột và dung môi pha tiêm Menopur (Menotrophin 75IU FSH + 75IU LH)	EU-GMP	DE_SH_01_ GMP_2014_ 0017	10/10/2014	21/05/2017	Cơ quan thẩm quyền Đức	**1**	
	Ferring International Center S.A., (Cơ sở đóng gói)	Chemin de la Vergognausaz 50, CH - 1162 St-Prex, Switzerland		EU-GMP	14-2418	15/12/2014		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
87	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-cho, Matsusaka -shi, Mie, japan	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Hishiphagen combination intravenous (53mg Monoammodium Glycyrrhizinate, 400mg Glycine, 22 mg L-Cysteine Hydrochloride Hydrate)	Japan GMP	1759	19/07/2016		Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	**1**	
88	Recordati Industria Chimica E Farmaceutica S.P.A.	Via Civitali, 1-20148 Milano (MI), Italia.	* Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: * Thuốc không vô trùng: * Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; viên nén, viên bao phim, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc ngậm. - Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả hormone corticosteroid), thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả hormone corticosteroid). - Thuốc bán rắn (bao gồm cả hormone corticosteroid). - Thuốc dược liệu: viên nén	EU-GMP	IT/302-7/H/2016	11/03/2019	06/12/2016	Italian Medicines Agency (AIFA)	**1**	
89	PT. Dankos Farma	Jl. Rawa Gatel Blok III S Kav. 36 - 38, Kawasan Industri Pulogadung, Jakarta Timur, Indonesia	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kìm tế bào: viên nén, viên nén bao phim	PIC/S GMP	4910/CPOB/ A/II/17	14/02/2017		National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		**2**
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kìm tế bào: viên nang cứng		4911/CPOB/ A/II/17	14/02/2017				

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kìm tế bào: viên nang mềm		4912/CPOB/A/II/17	14/02/2017	28/02/2022			
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kìm tế bào: thuốc uống dạng lỏng		4913/CPOB/A/II/17	14/02/2017				
			* Thuốc sản xuất vô trùng: - Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm cephalosporin.		4914/CPOB/A/II/17	14/02/2017				
			*Thuốc tiệt trùng cuối và sản xuất vô trùng: - Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kìm tế bào: dung dịch, nhũ dịch và hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ (không quá 100ml);		4916/CPOB/A/II/17	28/02/2017				
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin : Viên nén và viên nén bao phim		4927/CPOB/A/II/17	28/02/2017				
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: thuốc bột uống .		4928/CPOB/A/II/17	28/02/2017				
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin : Viên nén; viên nén bao phim		4929/CPOB/A/II/17	28/02/2017				
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin :Viên nang cứng		4930/CPOB/A/II/17	28/02/2017				

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin : thuốc bột uống		4931/CPOB/A/II/17	28/02/2017				
90	Cho-A Pharm.Co., LTD	318 Gwangjeong-ro, Haman-myeon, Haman-gun Gyeongsangnam-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nhai, viên nang cứng, thuốc cốm, dung dịch thuốc uống, siro.	PIC/S GMP	2017-C1-0101	17/03/2017	19/01/2020	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea		**2**
91	GAMBRO DASCO S.P.A	VIA STELVIO, 94-23035 SONDALO (SO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn.	EU-GMP	IT-24-2/H/2016	01/02/2016	23/12/2017	Italian Medicines Agency (AIFA)	**1**	
92	Sanofi S.P.A	Località Valcanello-03012 Anagni (Frosinone), Italy	* Thuốc vô trùng: Thuốc bột pha tiêm Targosid (Teicoplanina 400mg/3ml)	EU-GMP	CPP/2017/397	22/02/2017		Italian Medicines Agency (AIFA)	**1**	
93	Xian-Janssen Pharmaceutical Ltd.	34 North Wanshou Road, Xian, Shaanxi Province, 710043, China	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đặt; viên nén; thuốc bột; thuốc bán rắn.	EU-GMP	BE/GMP/2016/073	25/01/2017	27/10/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products of Belgium		**2**
94	Doppel Farmaceutici S.R.L	Via Martiri Delle Foibe, 1-29016 Cortemaggiore (PC), Italia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; thuốc khung thấm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc dạng bán rắn (hóc môn hoặc các chất có hoạt tính hóc môn, trừ hóc môn sinh dục); thuốc đặt chứa hóc môn corticosteroid, viên nén (hóc môn hoặc các chất có hoạt tính hóc môn). * Thuốc sinh học: Sinh phẩm chiết xuất từ động vật: viên nang mềm chứa ethyl ester của acid béo chưa bão hòa từ dầu cá; thuốc dạng bán rắn chứa heparin và heparinoids. * Sản phẩm: Thuốc viên trứng đặt âm đạo Meclon (Clotrimazole 100mg, Metronidazole 500mg).	EU GMP	IT/18-2/H/2017	13/2/2017	21/01/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	**1**	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
95	Special Product's Line S.P.A	Via Fratta Rotonda Vado Largo, 1-03012- Anagni (Frosinone), Italia Cách ghi địa chỉ cũ: Strada Paduni, 240-03012 Anagni (FR), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon corticosteroid); thuốc đặt (chứa hormon corticosteroid); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả chứa hormon corticosteroid). * thuốc sinh học: thuốc uống dạng lỏng chứa Probiotic	EU-GMP	IT/25-3/H/2017	27/02/2017	12/02/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	**1**	
96	One pharma industrial pharmaceutical company societe anonyme	60th km N.N.R Athinon - Lamias, Sximatari Voiotias, 32009, Greece	Sản phẩm: Viên nang cứng Paincerin (Diacerein 50mg) Tên tại Hy Lạp: Arthrorein	EU GMP	97852	23/02/2017		National Organization for Medicines (EOF), Greece	**1**	